

SỞ GD&ĐT HẢI DƯƠNG
THPT THANH HÀ
LỚP: 12H
GVCN: Nguyễn Thị Phương Hồng

BẢNG TỔNG HỢP ĐTB, HẠNH KIỂM, HỌC LỰC, DANH HIỆU
HỌC KỲ 1 - NĂM HỌC 2015-2016

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tđục	GDQP		ĐTB	Nghi CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
1	Phạm Thị Anh	HK1	9.0 ₂	7.9 ₁₀	8.7 ₄	9.2 ₃	8.0 ₅	6.6 ₁₉	8.6 ₈	8.2 ₁₈	7.4 ₄	7.8 ₅	8.0 ₃	Đ	8.0 ₈		8.1 ₂	1 0	G	T	GIOI	
2	Lê Thị Cúc	HK1	7.7 ₁₉	6.0 ₃₁	8.3 ₇	8.8 ₇	7.6 ₁₈	6.6 ₁₉	8.2 ₂₁	8.7 ₂	6.7 ₂₀	6.5 ₂₃	7.6 ₁₃	Đ	8.0 ₈		7.6 ₁₅	1 1	K	T	TT	
3	Đỗ Thị Kim Cương	HK1	8.3 ₁₀	7.5 ₁₆	8.4 ₆	8.9 ₆	7.9 ₉	6.8 ₉	8.7 ₇	8.9 ₁	6.6 ₂₃	7.1 ₁₄	7.4 ₂₇	Đ	7.2 ₁₈		7.8 ₈	0 0	K	T	TT	
4	Đỗ Thị Dịu	HK1	8.7 ₅	8.6 ₁	8.0 ₁₅	8.8 ₇	8.2 ₂	6.7 ₁₅	8.4 ₁₀	8.6 ₆	7.4 ₄	7.5 ₉	8.2 ₂	Đ	8.1 ₃		8.1 ₂	0 0	G	T	GIOI	
5	Nguyễn Thị Dịu	HK1	8.5 ₇	7.2 ₂₂	8.2 ₉	9.4 ₁	7.9 ₉	6.8 ₉	8.4 ₁₀	8.6 ₆	7.9 ₂	7.9 ₄	8.3 ₁	Đ	7.1 ₂₀		8.0 ₅	0 0	G	T	GIOI	
6	Nguyễn Văn Đức	HK1	8.9 ₃	7.9 ₁₀	9.4 ₁	8.4 ₁₃	7.6 ₁₈	6.2 ₂₈	7.1 ₃₂	7.3 ₂₈	6.6 ₂₃	6.9 ₁₇	6.9 ₃₁	Đ	7.3 ₁₅		7.5 ₂₀	0 0	K	T	TT	
7	Nguyễn Thị Giang	HK1	8.3 ₁₀	8.0 ₇	8.0 ₁₅	9.0 ₅	7.6 ₁₈	6.8 ₉	7.7 ₂₇	8.4 ₉	7.3 ₉	7.1 ₁₄	7.5 ₂₄	Đ	8.0 ₈		7.8 ₈	0 0	K	T	TT	
8	Nguyễn Thị Hải	HK1	7.4 ₂₄	7.8 ₁₂	7.8 ₁₈	7.8 ₃₀	7.6 ₁₈	6.6 ₁₉	8.4 ₁₀	8.0 ₂₀	7.4 ₄	7.6 ₈	7.6 ₁₃	Đ	7.3 ₁₅		7.6 ₁₅	0 0	K	T	TT	
9	Nguyễn Thị Hào	HK1	8.4 ₈	8.0 ₇	7.5 ₂₂	8.3 ₁₆	7.6 ₁₈	6.8 ₉	8.9 ₁	7.9 ₂₁	7.1 ₁₃	7.7 ₇	7.6 ₁₃	Đ	7.4 ₁₂		7.8 ₈	0 0	K	T	TT	
10	Nguyễn Thị Hậu	HK1	8.6 ₆	8.5 ₂	8.9 ₂	9.1 ₄	8.4 ₁	7.6 ₁	8.4 ₁₀	8.7 ₂	8.1 ₁	8.4 ₁	7.9 ₆	Đ	8.1 ₃		8.4 ₁	1 0	G	T	GIOI	
11	Nguyễn Thị Hòa	HK1	8.9 ₃	7.3 ₂₀	8.2 ₉	8.1 ₂₁	7.5 ₂₄	6.8 ₉	7.7 ₂₇	7.5 ₂₇	6.4 ₂₆	6.1 ₂₈	7.8 ₈	Đ	6.7 ₃₀		7.4 ₂₂	1 1	K	T	TT	
12	Đinh Thị Huyền	HK1	7.7 ₁₉	8.3 ₄	8.2 ₉	8.0 ₂₅	7.4 ₂₅	6.4 ₂₅	8.4 ₁₀	8.4 ₉	6.9 ₁₅	7.2 ₁₂	7.6 ₁₃	Đ	6.9 ₂₃		7.6 ₁₅	0 0	K	T	TT	
13	Phạm Thị Huyền	HK1	8.4 ₈	7.5 ₁₆	8.2 ₉	8.3 ₁₆	7.9 ₉	7.1 ₅	8.4 ₁₀	7.9 ₂₁	6.7 ₂₀	8.0 ₂	7.7 ₁₀	Đ	6.9 ₂₃		7.8 ₈	0 0	K	T	TT	
14	Vũ Thị Huyền	HK1	7.2 ₂₆	7.7 ₁₄	7.6 ₂₀	8.8 ₇	7.7 ₁₆	6.9 ₆	8.9 ₁	8.6 ₆	7.3 ₉	6.9 ₁₇	7.7 ₁₀	Đ	7.4 ₁₂		7.7 ₁₂	0 0	K	T	TT	
15	Vũ Thị Huyền	HK1	8.2 ₁₂	8.2 ₅	7.8 ₁₈	8.0 ₂₅	7.8 ₁₄	7.2 ₄	8.8 ₄	8.4 ₉	6.9 ₁₅	7.3 ₁₀	7.6 ₁₃	Đ	8.1 ₃		7.9 ₆	0 0	K	T	TT	
16	Đoàn Vũ Thu Hương	HK1	7.6 ₂₂	8.4 ₃	7.9 ₁₇	8.3 ₁₆	7.4 ₂₅	6.9 ₆	8.8 ₄	7.8 ₂₄	7.1 ₁₃	7.2 ₁₂	7.6 ₁₃	Đ	6.9 ₂₃		7.7 ₁₂	1 1	K	K	TT	
17	Phạm Thị Mỹ Lệ	HK1	7.2 ₂₆	5.7 ₃₂	6.4 ₃₀	8.3 ₁₆	7.4 ₂₅	7.4 ₃	8.3 ₂₀	7.6 ₂₅	6.7 ₂₀	6.1 ₂₈	7.6 ₁₃	Đ	7.0 ₂₂		7.1 ₂₉	0 0	K	T	TT	
18	Đỗ Thị Liên	HK1	7.9 ₁₆	7.8 ₁₂	8.2 ₉	7.9 ₂₉	8.0 ₅	6.6 ₁₉	8.4 ₁₀	7.9 ₂₁	7.4 ₄	7.0 ₁₆	8.0 ₃	Đ	7.3 ₁₅		7.7 ₁₂	0 0	K	T	TT	
19	Nguyễn Thanh Loan	HK1	7.5 ₂₃	7.0 ₂₄	7.2 ₂₅	8.0 ₂₅	7.3 ₃₂	6.7 ₁₅	8.4 ₁₀	7.6 ₂₅	6.1 ₂₈	6.4 ₂₅	7.6 ₁₃	Đ	7.1 ₂₀		7.2 ₂₆	0 0	K	T	TT	
20	Phạm Hương Ly	HK1	9.2 ₁	6.4 ₂₆	8.1 ₁₄	9.3 ₂	7.8 ₁₄	6.9 ₆	8.1 ₂₃	7.1 ₃₀	6.9 ₁₅	6.9 ₁₇	8.0 ₃	Đ	6.9 ₂₃		7.6 ₁₅	1 0	K	T	TT	
21	Nguyễn Thị Nga	HK1	6.3 ₃₁	7.1 ₂₃	6.2 ₃₂	8.3 ₁₆	7.6 ₁₈	6.5 ₂₃	8.6 ₈	8.4 ₉	5.6 ₃₂	6.4 ₂₅	7.3 ₂₉	Đ	6.8 ₂₉		7.1 ₂₉	0 0	K	T	TT	
22	Nguyễn Thị Nga	HK1	7.9 ₁₆	7.5 ₁₆	7.5 ₂₂	8.6 ₁₀	7.9 ₉	6.7 ₁₅	7.6 ₂₉	8.4 ₉	6.4 ₂₆	7.3 ₁₀	7.6 ₁₃	Đ	6.9 ₂₃		7.5 ₂₀	0 0	K	T	TT	
23	Nguyễn Thúy Nga	HK1	8.1 ₁₃	6.2 ₂₈	6.3 ₃₁	8.1 ₂₁	7.4 ₂₅	6.8 ₉	8.4 ₁₀	8.3 ₁₆	6.1 ₂₈	6.7 ₂₁	7.5 ₂₄	Đ	6.9 ₂₃		7.2 ₂₆	0 0	K	T	TT	
24	Cao Thị Nhiên	HK1	7.0 ₂₉	6.3 ₂₇	7.2 ₂₅	8.0 ₂₅	7.4 ₂₅	6.5 ₂₃	8.4 ₁₀	8.7 ₂	6.8 ₁₉	6.3 ₂₇	7.7 ₁₀	Đ	7.9 ₁₁		7.4 ₂₂	0 0	K	T	TT	
25	Nguyễn Thị Nhung	HK1	7.0 ₂₉	7.6 ₁₅	7.1 ₂₇	8.1 ₂₁	8.0 ₅	6.0 ₂₉	8.1 ₂₃	8.1 ₁₉	6.9 ₁₅	6.6 ₂₂	7.9 ₆	CĐ	7.2 ₁₈		7.4 ₂₂	0 0	Tb	T		
26	Vũ Đình Phái	HK1	6.0 ₃₂	6.9 ₂₅	7.0 ₂₈	7.3 ₃₂	7.4 ₂₅	5.5 ₃₁	7.2 ₃₁	6.9 ₃₁	6.1 ₂₈	5.8 ₃₀	6.5 ₃₂	Đ	5.8 ₃₂		6.5 ₃₂	3 6	Tb	K		
27	Nguyễn Hiều Phong	HK1	7.8 ₁₈	7.3 ₂₀	8.3 ₇	8.4 ₁₃	7.4 ₂₅	5.7 ₃₀	7.9 ₂₆	7.2 ₂₉	6.1 ₂₈	5.8 ₃₀	7.4 ₂₇	Đ	7.4 ₁₂		7.2 ₂₆	0 1	K	T	TT	
28	Nguyễn Thị Phương	HK1	8.0 ₁₄	8.0 ₇	8.5 ₅	8.4 ₁₃	8.1 ₃	7.5 ₂	8.8 ₄	8.7 ₂	7.2 ₁₁	7.8 ₅	7.6 ₁₃	Đ	8.2 ₁		8.1 ₂	0 0	G	T	GIOI	
29	Dương Thị Thảo	HK1	8.0 ₁₄	8.2 ₅	7.5 ₂₂	8.1 ₂₁	8.0 ₅	6.7 ₁₅	8.9 ₁	8.4 ₉	7.2 ₁₁	8.0 ₂	7.6 ₁₃	Đ	8.2 ₁		7.9 ₆	0 0	K	T	TT	
30	Nguyễn Thị Vinh	HK1	7.2 ₂₆	7.4 ₁₉	7.6 ₂₀	7.4 ₃₁	8.1 ₃	6.4 ₂₅	8.2 ₂₁	8.4 ₉	7.4 ₄	6.8 ₂₀	7.8 ₈	Đ	8.1 ₃		7.6 ₁₅	0 0	K	T	TT	
31	Nguyễn Hữu Vượng	HK1	7.7 ₁₉	6.2 ₂₈	8.8 ₃	8.6 ₁₀	7.9 ₉	5.5 ₃₁	7.6 ₂₉	6.0 ₃₂	6.6 ₂₃	5.6 ₃₂	7.1 ₃₀	Đ	6.3 ₃₁		7.0 ₃₁	0 0	K	T	TT	
32	Lê Thị Yên	HK1	7.4 ₂₄	6.1 ₃₀	7.0 ₂₈	8.6 ₁₀	7.7 ₁₆	6.3 ₂₇	8.1 ₂₃	8.3 ₁₆	7.5 ₃	6.5 ₂₃	7.5 ₂₄	Đ	8.1 ₃		7.4 ₂₂	0 0	K	T	TT	

TT	Họ và tên	HK	Toán	Vật lý	Hóa	Sinh	Tin	Ngữ văn	L.Sử	Địa lý	Tiếng anh	GDCD	C Nghệ	Tdục	GDQP		ĐTB	Nghĩ CP, KP	Học lực	Hạnh kiểm	Danh hiệu	Kết quả
----	-----------	----	------	--------	-----	------	-----	------------	------	--------	--------------	------	--------	------	------	--	-----	----------------	------------	--------------	--------------	------------

Số ngày nghỉ có phép:	9	Hạnh kiểm:		Học lực:		Danh hiệu:																
Số ngày nghỉ không phép:	10	- Tốt: 30		- Giỏi: 5		- Giỏi: 5																
		- Khá: 2		- Khá: 25		- Tiên tiến: 25																
		- Trung bình: 0		- Trung bình: 2																		
		- Yếu: 0		- Yếu: 0																		
				- Kém: 0																		

Ngày..... tháng..... năm
GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM
(chữ ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
HIỆU TRƯỞNG
(chữ ký, họ tên, đóng dấu)